

CHỦ ĐỀ 2

Văn học viết Lâm Đồng từ 1975 đến nay



MỤC TIÊU

- Nêu được đặc điểm chung, những tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học viết Lâm Đồng từ 1975 đến nay.
- Phân tích và đánh giá được một số yếu tố của tác phẩm như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng trong tác phẩm; cái tôi tác giả; chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật.
- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản; nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.
- Lựa chọn và thực hiện được 1 nghiên cứu cụ thể về văn học viết của địa phương và về địa phương sau 1975 (giới thiệu tác giả, tác phẩm; nghiên cứu, phân tích một thể loại, chủ đề, tác phẩm,...).



KHỞI ĐỘNG

Chọn thực hiện một trong các hoạt động sau:

1. Kể tên một số tác phẩm văn xuôi viết về Lâm Đồng mà em biết.
2. Diễn một tiểu phẩm được sân khấu hoá từ tác phẩm của văn học Lâm Đồng.
3. Trình diễn một bài hát được phổ thơ của văn học Lâm Đồng.



HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

A. KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIẾT LÂM ĐỒNG TỪ 1975 ĐẾN NAY

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ, XÃ HỘI, VĂN HOÁ

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc, kỉ nguyên đất nước hoà bình, thống nhất. Tuy nhiên, từ 1975 – 1985 đất nước ta lại đứng trước những thử thách khó khăn mới, nhất là khó khăn về kinh tế do hậu quả của chiến

tranh gây ra. Tình hình đó đòi hỏi đất nước phải đổi mới vì đó là nhu cầu bức thiết của toàn dân tộc. Từ năm 1986, với công cuộc Đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng và lãnh đạo, đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường với nhiều thay đổi ở tất cả các lĩnh vực. Nền kinh tế khởi sắc, quan niệm, góc nhìn về thế giới và nghệ thuật thay đổi, sự tiếp xúc và giao lưu với văn hoá thế giới được mở rộng, nhu cầu và thị hiếu thẩm mỹ ngày càng phong phú, đa dạng,...

Bên cạnh bối cảnh chung của cả nước, tỉnh Lâm Đồng còn có tình hình riêng. Từ sau đại thắng mùa xuân năm 1975, Lâm Đồng hoàn toàn thoát khỏi sự kiểm soát của chính quyền Sài Gòn, trở về “nối vòng tay lớn” với mọi miền đất nước Việt Nam. Lâm Đồng mở rộng vòng tay đón nhiều người dân ở mọi miền đất nước đến sinh sống, lập nghiệp. Điều này đã làm phong phú thêm về nguồn lực lao động, những nét văn hoá, nghề truyền thống,... Lâm Đồng tiếp tục phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, phong cảnh thiên nhiên, di sản văn hoá,... để đẩy mạnh phát triển du lịch và các ngành kinh tế, hình thành thương hiệu du lịch, hoa, quả, cà phê, nông sản,... nổi tiếng trong nước và vươn ra thế giới. Đà Lạt trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học kĩ thuật thu hút mạnh mẽ các trí thức, nhà khoa học, giới văn nghệ sĩ, doanh nhân, học sinh, sinh viên và du khách đến với Lâm Đồng. Đó chính là những nguồn lực mạnh mẽ cùng với Nhân dân địa phương để xây dựng và phát triển Lâm Đồng ở tất cả các lĩnh vực, trong đó có văn học nghệ thuật.

II. TỔNG QUAN VỀ VĂN HỌC LÂM ĐỒNG TỪ 1975 ĐẾN NAY⁽¹⁾

1. Những vấn đề chung

Văn học Lâm Đồng có những bước phát triển mới từ sau năm 1975. Từ năm 1987, Hội Văn học Nghệ thuật Lâm Đồng được thành lập, quy tụ được giới văn nghệ sĩ sinh hoạt trong một tổ chức nghề nghiệp thống nhất. Sau đó, tạp chí *Lang Biang* ra đời, là diễn đàn chung để công bố tác phẩm đến công chúng. Văn học Lâm Đồng đồng hành và gắn bó với công cuộc xây dựng quê hương, tập trung phản ánh hiện thực đời sống xã hội, tâm tư, tình cảm con người. Nhờ đó, diện mạo một giai đoạn mới của văn học Lâm Đồng ngày càng rõ nét.

Về đội ngũ sáng tác: Bên cạnh các tác giả địa phương ngày càng đông đảo, văn học Lâm Đồng còn có nguồn lực lớn là các trí thức, nhà thơ, nhà văn chuyên nghiệp, các cây bút không chuyên đến Lâm Đồng làm việc, sinh sống hoặc tham quan, du lịch.

Về thơ: Ở Lâm Đồng, lực lượng sáng tác thơ đã có sự tiếp nối và kế thừa. Những tác giả như Hồ Phú Diên, Văn Thảo Nguyên, Lâm Tuyền Tĩnh, Phạm Vũ, Phan Đức Chính,... là những người xây dựng văn học nghệ thuật Lâm Đồng thời kì đầu. Đến thế hệ của Hà Linh Chi, Phạm Quốc Ca, Trương Xuân Huy, Xuân Tràng, Phạm Vĩnh, Phan Đức Chính, Nguyễn Dương Quang, Lê Bá Cảnh, Nguyễn Trung An, Nguyễn Mộng Sinh, Vương Tùng Cương, Nguyễn Thanh Đạm, Hoàng Ngọc Châu, Uông Thái Biểu, Trần Ngọc Trác, Lê Văn Hiếu, Nguyễn Thánh Ngã, Nguyễn Tấn On, Trần Hoàng Vũ Nguyên, Thanh Dương Hồng, Lê Đình Trọng, Diệp Vy, Nguyễn Vĩnh,... đã phát triển thơ Lâm Đồng cả về độ rộng lẫn chiều sâu, nỗ lực đem đến cho thơ Lâm Đồng những tìm tòi, đổi mới cả về nội dung lẫn nghệ thuật phản ánh.

⁽¹⁾ Tham khảo Đặng Trọng Hộ, *Bài giảng văn học địa phương Lâm Đồng* (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt.

Về văn xuôi: Văn học Lâm Đồng ghi nhận những nỗ lực đóng góp của của các tác giả trong việc khái quát hiện thực, cấu trúc, cốt truyện, xây dựng nhân vật, ngôn ngữ,... và đã tạo nên những dấu ấn đối với bạn đọc.

Dấu ấn về truyện ngắn: Lại Văn Long (*Kẻ sát nhân lương thiện, Người trong biệt thự,...*), Huỳnh Chính (*Người vợ của chồng tôi,...*), Chu Bá Nam (*Chốn bình yên, Phép màu,...*), Nguyễn Tùng Châu (*Tiếng vọng, Sóng biển vẫn vỗ bờ,...*), Nguyễn Thanh Đạm (*Mùa trồng rừng mới,...*), Hà Thanh Thủy (*Nỗi lòng người vợ,...*), Đặng Thị Thanh Liễu (*Hai người đàn bà, Một đêm mưa,...*),...

Dấu ấn về tiểu thuyết: Phạm Kim Anh (*Giọt nước mắt mỗi tình đầu, Nỗi đau trong suốt cuộc đời,...*), Nguyễn Thái Huyền (*Nội tuyến A3, Thám tử đội Hướng Dương,...*), Nguyễn Khương Trung (*Đất Đình Gòn,...*), Trần Thăng (*Đất gọi, Phản đòn,...*), Nguyễn Thanh Hương (*Dấu lặng trên tuyến lửa, Rừng khát,...*),...

Dấu ấn về kí: Trần Ngọc Trác (*Duyên nợ Đà Lạt*), Ưông Thái Biểu (*Mùa lũ hành, Gió thổi từ miền kí ức*), Nguyễn Hàng Tình (*Giã biệt hoang vu, Cỏ khô làm lở muốt mùa*), Nguyễn Vĩnh Nguyên (*Đà Lạt, những cuộc gặp gỡ*), Võ Khắc Dũng, Trần Đại, Tĩnh Xuyên,...

Ở mảng lí luận, phê bình, nghiên cứu văn học: Văn học Lâm Đồng có một số nhà nghiên cứu chuyên nghiệp như Lê Chí Dũng (*Tính cách Việt Nam trong thơ Nôm Đường luật, Tương Phố đời và thơ,...*), Lê Hồng Phong (*Một số vấn đề truyện cổ Tây Nguyên, Truyện kể dân tộc Mạ,...*), Phạm Quang Trung (*Thức cùng trang viết*), Phạm Quốc Ca (*Mấy vấn đề về thơ Việt Nam 1975 – 2000*), Đặng Trọng Hộ, Ninh Thế Hùng, Phan Thị Hồng,...

Văn học Lâm Đồng có dấu ấn về kịch bản văn học với các tác giả: Phạm Kim Anh (*Mối tình qua Tết Lirboong,...*), Phan Minh,...

Dịch thuật có một số cây bút như Đỗ Tư Nghĩa (dịch *Tự thú, Suy nghiệm mỗi ngày,...* của L. Tôn-xtôi; *Khi bố còn thơ* của A. Ra-xkin;..., Thân Trọng Sơn (dịch *Đà Lạt thành phố cao nguyên, Nhà Nguyễn 9 chúa 13 vua,...*), Đoàn Huy Long, Nguyễn Hạnh Ngọc Anh,...

Trong bối cảnh hiện thực xã hội sinh động, đa chiều, với lực lượng sáng tác khá đông đảo như vậy, văn học Lâm Đồng sau 1975 đã có sự mở rộng về đề tài, sự phong phú về thể loại, sự trau dồi về bút pháp và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

2. Thành tựu về thơ ca

Thơ ca Lâm Đồng đã gặt hái nhiều thành công, thể hiện ở sự ra đời của các tuyển tập thơ và tập thơ cá nhân. Các tuyển tập thơ là kết tinh sáng tạo của cả các tác giả thơ Lâm Đồng cũng như các tác giả thơ trên mọi miền viết về Lâm Đồng: *Đà Lạt mộng mơ* (1993), *Đà Lạt thơ* (1996), *Cho những mùa hoa* (1996), *Thơ tình Đà Lạt* (1997), *Lâm Đồng chào thế kỉ 21* (2000), *Đà Lạt giao mùa* (2000), *Đà Lạt trong thơ – Thơ trong Đà Lạt* (2003), *Thơ Đà Lạt xưa và nay* (2008), *30 năm thơ Lâm Đồng* (2006), *Thơ Lâm Đồng 2012 – 2017*, *Thơ Lâm Đồng 2017 – 2022*,... Bên cạnh đó là các tập thơ cá nhân của nhiều tác giả ở Lâm Đồng như: Trần Ngọc Trác – *Hoa trình nữ* (1990); Trương Xuân Huy – *Quê hương như chiếc nôi hồng* (1992); Phạm Quốc Ca – *Tiếng trầm* (1987), *Chân trời mở* (1994), *Những cánh rừng, những bài ca* (2024), *Thơ viết trong album* (2010), *Cơn mưa mạ vàng* (2018); Hà Linh Chi – *Lời đá* (1995); Nguyễn Mộng Sinh – *Muôn mặt đời thường* (1995); Phạm Vũ – *Hành tinh cô đơn* (1996); Bạch

Nhật Phương – *Chiều không bình yên* (1997); Trần Anh Thư – *Dấu ấn* (1999); Phan Hữu Giản – *Hương Đất tình người* (1999); Lê Bá Cảnh – *Huyền thoại hồ Than Thở* (2000); Ưông Thái Biểu – *Gió Đồng* (2001), *Nhớ núi* (2017);...

Thơ Lâm Đồng viết về những đề tài mang dấu ấn địa phương, thể hiện tình yêu đối với đất và người quê hương, trong đó, vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên Đà Lạt có số lượng tác phẩm lớn. Thơ gợi nhớ truyền thống đấu tranh anh dũng, kiên cường của quân và dân Lâm Đồng (thơ Thanh Dương Hồng, Trần Ngọc Trác,...). Thơ cổ vũ, động viên công cuộc lao động, nỗ lực vươn lên sau chiến tranh, xây dựng quê hương từ trong gian khó (thơ Hà Linh Chi, Phạm Vĩnh, Nguyễn Mộng Sinh, Nguyễn Tấn On,...). Thơ phản ánh cuộc sống còn nhiều khó khăn và ca ngợi nét đẹp văn hoá truyền thống các dân tộc (thơ Phạm Quốc Ca, Nguyễn Thánh Ngã,...). Thơ khám phá chiều sâu tâm hồn, bày tỏ những suy tư, trăn trở, những trăn trở những vấn đề của đời sống, nhân tính thế thái (thơ Ưông Thái Biểu, Phạm Vũ,...)... Song song với sự phong phú, đa dạng, sâu sắc về nội dung, các tác giả thơ Lâm Đồng đã có nhiều nỗ lực, tìm tòi, sáng tạo về hình thức nghệ thuật.

3. Thành tựu về văn xuôi

Văn xuôi Lâm Đồng sau 1975 tuy không có số lượng tác phẩm lớn như thơ nhưng cũng phát triển khá nhanh, tập trung phản ánh hiện thực đời sống của Nhân dân các dân tộc anh em ở Lâm Đồng. Các tác phẩm văn xuôi đã xuất bản như: *Người tộc trưởng và Phán đôn* (Tiểu thuyết) của Trần Thắng, *Một lúc một đời* (Tập truyện ngắn) của Bùi Minh Quốc, *Đi theo con suối về phía mặt trời mọc* (tập truyện ngắn) của Huỳnh Chính, *Quy luật nghiệt ngã* (tiểu thuyết) và *Thung lũng trắng* (tập truyện) của Lê Công, *Chốn sương mù* (tập truyện và kí) của Chu Bá Nam, *Giọt nước mắt mối tình đầu*, *Nỗi đau trong suốt cuộc đời*, *Hoa mimosa*, *Sau hai lần tân hôn*, *Lặng đặng mây ngàn*, *Đừng xa nhau nữa*, *Người trở về*, *Lời cảnh báo*,... (tiểu thuyết) của Phạm Kim Anh,... Từ những tác phẩm đã xuất bản, đăng báo, Hội Văn học Nghệ thuật Lâm Đồng đã tuyển chọn và xuất bản các tuyển tập để giới thiệu các tác giả và tác phẩm văn xuôi tiêu biểu qua từng giai đoạn như: *Mười năm văn xuôi Lâm Đồng (1988 – 1998)*, *30 năm văn xuôi Lâm Đồng (2006)*, *Văn xuôi Lâm Đồng 2012 – 2017*, *Văn xuôi Lâm Đồng 2017 – 2022*,...

Các tác giả văn xuôi Lâm Đồng vận dụng ưu thế của truyện ngắn, tiểu thuyết để khái quát bức tranh hiện thực đời sống thông qua việc xây dựng hình tượng nhân vật, trau chuốt về cốt truyện, ngôn ngữ,... Truyện ngắn của Huỳnh Chính viết về cuộc sống đời thường, đối diện với những khó khăn, đau đớn, mất mát nhưng họ luôn hướng về cái đẹp, cái cao cả, ơn nghĩa (*Người vợ chồng tôi*, *Chúng tôi sống như thế đấy*, *Mẹ con tôi*,...). Chu Bá Nam có thiên hướng đi sâu khám phá để sàng lọc, gom nhặt những nét tốt đẹp, tích cực trong mỗi một con người (*Mặc cảm*, *Một điều ước*,...). Dương Trần viết về những con người khốn khó đã nương dựa vào nhau trong một tình thương bền chặt, vị tha để vượt lên trên số phận ngặt nghèo (*Năm com*, *Người nghiệp dư*, *Anh Sáu hạnh phúc*,...). truyện Lê Công thường đề cập khá kịp thời, nhanh nhạy những vấn đề của đời sống. Truyện ngắn *Kẻ sát nhân lương thiện* của Lại Văn Long được xem là một sự kiện của văn nghệ Lâm Đồng khi lần đầu tiên một cây bút văn xuôi Lâm Đồng được trao giải nhất cuộc thi truyện ngắn của *Báo Văn nghệ* (1991). Đằng sau

những mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn của quá khứ, hiện tại, tác phẩm đặt ra vấn đề số phận con người, đặc biệt là số phận con người thời hậu chiến.

Dấu ấn về kí ở Lâm Đồng thể hiện ở tác phẩm của Trần Ngọc Trác (*Duyên nợ Đà Lạt*), Ưông Thái Biểu (*Mùa lũ hành, Gió thổi từ miền kí ức*), Nguyễn Hàng Tình (*Giã biệt hoang vu, Cỏ khô làm lỡ muốt mùa*), Võ Khắc Dũng, Trần Đại, Tĩnh Xuyên,...

4. Thành tựu về một số lĩnh vực khác

Văn xuôi Lâm Đồng cũng đã có những thành công về kịch bản sân khấu, lí luận, phê bình và nghiên cứu văn học, dịch thuật. Phạm Kim Anh với kịch bản *Mối tình qua Tết Liboong* đã được trao Huy chương vàng tại Liên hoan sân khấu toàn quốc năm 1981, được nhiều đoàn nghệ thuật dàn dựng, biểu diễn. Trong lĩnh vực lí luận, nghiên cứu, phê bình văn học, Lâm Đồng có các nhà nghiên cứu: PGS. TS. Lê Chí Dũng (*Tính cách Việt Nam trong thơ Nôm Đường luật, Những cách tiếp cận mới, những suy nghĩ mới về ngữ văn, Tương Phố đời và thơ*, tham gia biên soạn *Từ điển văn học (bộ mới, 2005)*; TS. Phạm Quốc Ca (*Mấy vấn đề về thơ Việt Nam 1975 – 2000*); PGS. TS. Phạm Quang Trung (*Thức cùng trang viết*);...

Văn học Lâm Đồng chú trọng công tác sưu tầm, dịch và nghiên cứu văn học dân gian của các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng và Tây Nguyên, thể hiện ở các công trình: tập truyện *Sự tích Lang Biang* của Lâm Tuyên Tĩnh; *Một số vấn đề truyện cổ Tây Nguyên, Truyện kể dân tộc Mạ*, tập truyện cổ tích dân tộc Mạ *Chàng Đu Đủ* của TS. Lê Hồng Phong và nhóm nghiên cứu; chuyên luận *Tìm hiểu truyện cổ Tây Nguyên – trường hợp Mạ và Cơ Ho* của TS. Phan Thị Hồng; các nhà giáo Đặng Trọng Hộ, Ninh Thế Hùng đã thực hiện đề tài khoa học và nghiên cứu về thơ dân gian Cơ Ho, Mạ, Chu Ru;...

Trong lĩnh vực dịch thuật, ở Lâm Đồng có dấu ấn của Đỗ Tư Nghĩa, Trần Đức Tài, Thân Trọng Sơn, Đoàn Huy Long, Nguyễn Hạnh Ngọc Anh...

Dù chưa có nhiều thành tựu lớn, đặc biệt tiêu biểu nhưng văn học viết Lâm Đồng từ 1975 đến nay đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc đồng hành cùng công cuộc xây dựng quê hương, phản ánh hiện thực đời sống và tâm hồn con người. Những kết quả này sẽ là tiền đề, bước đệm mở ra nhiều triển vọng trong tương lai.

Hướng dẫn tìm hiểu

1. Văn học viết Lâm Đồng từ 1975 đến nay phát triển trong bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá như thế nào?
2. Trình bày những nét chính về văn học viết Lâm Đồng từ 1975 đến nay.
3. Sự phong phú về thể loại của văn học Lâm Đồng từ 1975 đến nay thể hiện như thế nào? Hãy tìm hiểu và nêu nội dung chính một tác phẩm văn xuôi Lâm Đồng từ 1975 đến nay.

B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

VĂN BẢN 1

BUỔI CHIỀU, SƯƠNG BAY TRÊN ĐÀ LẠT

– Bằng Việt –

Chiều dâng bình yên, mù sương bay
Núi lơ lửng trên bầu trời thẳm
Một màu hoa vàng thắm
Chưa hề phai sau mưa.

Theo dõi

Số tiếng trong mỗi dòng thơ, vần và nhịp thơ.

Sương bay, sương bay như thể bao giờ?
Sực nhớ trạm quân y trên đường biên giới,
Cả tháng sương bay và suốt mùa bom dội
Một khúc hát bập bùng như lửa bếp qua đêm,

Hình dung

Bối cảnh không gian, thời gian và hình ảnh con người.

(Tôi chưa bao giờ nhìn rõ mặt em
Rừng thẳm lá, sương mù dày đặc quá
Cầm bát cháo em đưa, cơn sốt còn hành hạ.
Tai chỉ âm vang tiếng hát bập bùng...)

Theo dõi

Chi tiết “sương bay”, “tiếng hát”.

Sương bay, sương bay, thành phố đẹp lạ lùng
Tôi chưa có vui buồn gì ở đây!
Chiều rét mướt đáng người đi như chạy
Phố dốc theo đồi, khuất nẻo, lượn miên man.

Chú ý

Sự thay đổi không gian, thời gian, hình ảnh con người.

Bàng hoàng chưa? ...Ai bắt nhịp râm ran,
Tiếng trong trẻo: Dân đồng ca em gái
Vẫn khúc hát của Trường Sơn xa ngái
Khúc hát bập bùng như lửa bếp qua đêm!

Không thể nào nhìn rõ mặt các em!
Trời lạnh quá, nhà nhà đều kín cửa.
Mà khúc hát đơn sơ, suốt đời như đốm lửa
Sưởi ấm lòng khi bốn phía sương bay...

Chú ý

Cách nhà thơ thể hiện tình cảm của “tôi” với “em”, “các em”.

*Hi vọng nuôi qua thời chiến đấu, về đây.
Cả thành phố chưa quen chợt nổi cùng tâm sự.
Và khúc hát băng quơ, tự cánh rừng xưa cũ,
Lại dâng đầy sương trắng buổi chiều nay...*

(Theo *Đà Lạt trong thơ – Thơ trong Đà Lạt*,
UBND thành phố Đà Lạt, Hội VHNT Lâm Đồng, 2003)



Nhà thơ Bằng Việt, tên khai sinh là Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, quê ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây, nay là Hà Nội. Ông đã từng học ngành Luật tại Liên Xô (cũ), sau đó về nước và công tác trong ngành Luật. Từ năm 1969, ông chuyển sang công tác Hội Nhà văn Việt Nam. Năm 1970, Bằng Việt tham gia kháng chiến, trở thành phóng viên chiến trường. Sau 1975, Bằng Việt giữ nhiều chức vụ quan trọng ở thành phố Hà Nội và lĩnh vực văn học nghệ thuật.

Bằng Việt làm thơ từ sớm và là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Thơ Bằng Việt gắn bó với con người, cuộc sống, thể hiện những rung động tinh tế, chất chứa nhiều suy tư, liên tưởng sâu sắc. Ông cũng có những bài thơ trong trẻo, mượt mà, khai thác những kỉ niệm và mơ ước tuổi trẻ nên được thế hệ trẻ yêu thích.

Các tập thơ chính: *Hương cây – Bếp lửa* (1968, in chung với Lưu Quang Vũ), *Đường Trường Sơn, cảnh và người* (1972 – 1973), *Đất sau mưa* (1977), *Cát sáng* (1985, in chung với Vũ Quần Phương), *Phía nửa mặt trăng chìm* (1995), *Thơ trữ tình* (2002), *Ném câu thơ vào gió* (2001), *Thơ trữ tình* (2002), *Nheo mắt nhìn thế giới* (2008), *Oằn tù tì* (2016),...

Bài thơ *Buổi chiều, sương bay trên Đà Lạt* in trong tập *Đà Lạt trong thơ – Thơ trong Đà Lạt*, UBND thành phố Đà Lạt, Hội VHNT Lâm Đồng, xuất bản năm 2003.

Hướng dẫn đọc hiểu

1. Em hãy xác định thể thơ, bố cục và nhận xét về mạch vận động của cảm xúc trong bài thơ.
2. Trong bài thơ *Buổi chiều, sương bay trên Đà Lạt*, tác giả đã miêu tả không gian và thời gian nào? Không gian và thời gian đó có gì đặc biệt?
3. Hình ảnh “sương bay” xuất hiện mấy lần trong bài thơ? Phân tích ý nghĩa của hình ảnh này trong việc miêu tả thiên nhiên và bộc lộ cảm xúc nhân vật trữ tình.
4. Tình cảm của nhân vật trữ tình đã được thể hiện ra sao đối với nhân vật “em”, “các em”?

5. Trong bài thơ *Buổi chiều, sương bay trên Đà Lạt*, chi tiết “tiếng hát” có ý nghĩa như thế nào đối với dòng hồi tưởng nhân vật trữ tình?

6. Theo em, việc tác giả đặt khổ thơ thứ ba trong dấu ngoặc đơn nhằm dụng ý gì?

7. Bài thơ *Buổi chiều, sương bay trên Đà Lạt* đưa đến cho em thông điệp gì?

VĂN BẢN 2

CÚI ĐẦU TRƯỚC NÚI

– Uông Thái Biểu –

Tự dung lúc này đây, khi đang ngồi dưới chân một dãy núi Tây Nguyên mà trong tôi lại trào lên cảm thức về những ngọn núi. Đó có thể là nỗi ám ảnh mang mạch thơ linh sơn đâu đó trong tâm tưởng. Ngắm núi mà muốn thốt lên lời tự lòng mình, ời những chóp đỉnh cao vời, cho tôi xin được ngàn lần cúi đầu ngưỡng vọng...

1. Địa văn hoá chỉ ra rằng, con người sinh ở tiểu vùng địa lí cảnh quan nào thì sẽ hình thành nét tính cách tương ứng. Người ở vùng biển làm nghề chài lưới thì tâm tính không giống lắm với người sống ở nơi đồng ruộng; sơn dân vùng thượng du cũng không trùng lối hành xử của cư dân miền hạ. Không biết là người ta khái quát như vậy có thật sự chính xác hay không. Còn tôi, tôi sinh ra ở bên bờ biển nhưng từ lâu rồi, hình như tâm tưởng đã thuộc một phần về núi, đó là những dãy núi nơi tôi đang sống, hiển hiện trong tầm mắt thường nhật và cả những đường nét sơn dã ảo mờ như những dòng kí ức điệp trùng từ miền xa xăm. Với tôi, núi từng là một miền vẫy gọi, rồi trở nên gắn bó với những trải nghiệm ấp đầy hấp lực. Cuộc hành trình theo mãi, tìm chút gì ở núi, mà bao tháng năm qua vẫn như đang lạc đâu đó ở triền thấp nhất của muôn nẻo đại ngàn. Núi ban cho tôi những ân huệ cảm xúc. Tôi cũng nghĩ về núi như một nơi chốn trú ngụ của những hoài vọng, là điểm tựa cân bằng trong những lúc tâm hồn cần sự tĩnh suy. Xa núi thì nhớ núi, về bên núi vẫn không nguôi cơn khát kiếm tìm giữa mênh mang sơn nguyên...

Theo dõi

Cảm nhận của tác giả về núi.

Tôi sinh ra nơi cuối sông đầu biển. Với đám con nít ở vùng duyên hải mở mắt đã chạm vào sóng nước thì cái hình dung về núi là một thực thể gì đó thật xa, mờ, cao, lạ. Kí ức núi của tôi là... cái núi giả. Ngọn giả sơn có tượng hình ngôi chùa chênh vênh vách đá và lầu tiều phụ gánh củi trong cái bể cạn bằng đá bên góc sân nhà là khái niệm đầu tiên về điệp trùng núi non đâu đó trên miền thượng du mà tôi được cảm nhận. Cảm nhận trong một nỗi bất lực bởi thiếu sự trải nghiệm. Nhưng cũng từ cái ngọn núi giả được chế tác bằng vật liệu thô mang tượng hình khô khan ấy đã giúp tôi mỗi ngày như ngấm thêm một chút về nỗi niềm khao khát cội nguồn thiên nhiên sơ khai của những con người hiện đại. Bởi tiền nhân của chúng ta từ thời tiền sử từng thuộc về núi non, hang động, thuộc về những cánh rừng có trái cây ngon, muông thú lạ và lần đầu tiên con người biết lấy lửa nướng chín thức ăn là từ việc xát bụi nhùi lên hòn đá núi. Chợt nghĩ, có phải do vậy không mà cho đến bây giờ, những gì mà ngôn tự định danh là “nguồn” đều có xuất xứ từ trên miền cao, ở nơi đó có núi? Vậy tôi cứ mạnh dạn “phán” bừa, rằng người đồng bằng thích chơi giả sơn là bởi người ta chất chứa trong lòng nỗi hoài niệm về xứ nguồn tiên tổ, nơi hình thành gốc gác buổi sơ khai của chính mình với tư cách là con - người - đứng - thẳng - trên - hai - chân...

2. Trước núi, tôi vẫn thường suy tưởng về những gì đã khuất lấp, những gì sắp hiện hữu. Ví như, khuất phía sau mỗi con đường mòn ngoằn ngoèo kia chắc là dòng suối mát lành nhằm thỏa cơn khát cho người leo núi. Khuất phía sau trập trùng xanh thẳm kia có thể là một linh tự thờ những vị thượng đẳng thần Cao Các – Cao Sơn hay bà rông, ông cọp. Khuất phía sau những sương khói bồng bềnh giữa lưng chừng trời cũng có thể là một ngôi chùa tránh xa tục lụy nhằm rửa bớt những dục vọng, ưu phiền. Đâu đó sau phiến đá xám rêu là ngôi lều cỏ có bậc hành giả hiện trong dáng tiêu phu. Không thể nào biết phía chưa đến ấy có gì và có thể là cả đời cũng không đến được, nhưng điều này có thể nhận ra: thử thách của núi là thử thách cao nhất mà mỗi người phàm trần đều muốn hướng tới...

Theo dõi

Suy tưởng của tác giả về núi.

Núi, có lẽ là một ám ảnh lớn lao trong tiềm thức loài người. Cái ám ảnh khởi nguyên mang tính bản năng ấy có gì đó hoang dã nhưng lớn hơn điều đó chính là sự cao vợi, thiêng liêng. Cảm xúc về tính thiêng bắt nguồn từ nỗi cô đơn mang “thuộc tính núi”, càng lên cao càng bơ vơ lạnh lẽo, nhưng cũng có thể bởi muôn trùng hoang hoải, bất lực của tha nhân trước những nỗi lo sợ của chính họ. Con người, nhất là người tiền sử và ngay đến thời xã hội bán khai thì có vô cùng sự thiếu hiểu biết và hoàn toàn thất thủ trước đe dọa thường nhật của các thế lực tự nhiên, siêu nhiên. Mưa, gió, sấm, sét, lũ lụt, hạn hán và cả ma quỷ, thánh thần luôn hiện hữu trong thực tế và ý nghĩ của họ với những điều không thể lí giải. Vì vậy, họ luôn ôm trong lòng nỗi sợ hãi và mong cầu sự che chở, áp ôm, nâng đỡ của đấng tối cao. Người ta ngửa mặt lên trời để chuyển tải những thông điệp cầu xin. Trời thì quá cao, nhưng thật may, những đỉnh núi đã bắc nhịp cầu nối đất với trời. Trong quan niệm cổ sơ, thần linh thường chọn các đỉnh núi cao nhất để ngự vì. Là Ô-lim-pi-a (Olympia) trong thần thoại Hy Lạp, là Hi-ma-lay-a (Himalaya), Ma-ca-lu (Makalu), Nan-ga Pa-bát (Nanga Parbat) ở nơi xứ người hay Phan-xi-păng (Fansipan), Tản Viên, Hồng Lĩnh, Ngọc Linh, Chư Yăng Sin, Bidoup xứ mình đều vậy. Người ta gọi những đỉnh núi cao là “cổng trời” kia mà. Những gì con người không thể thâm nhập được trực tiếp lên Thượng đế, đành phải nhờ cậy các vị thần gần hơn, thần đang ở đâu đó trên các ngọn núi. Là thánh thần nhưng con người vẫn thường gặp họ qua các giác quan của mình, nên trong vẻ hùng vĩ cao vợi lại có chút gì gần gũi, bởi thân thiết nên mới dám thưa gửi, cậy nhờ.

Ở miền Tây Nguyên, nơi tôi đang sống cũng vậy. Núi non nơi này là sản phẩm triệu năm của tạo hoá. Ngọn núi nơi nào càng cao thì thần linh nơi đó càng huyền bí, nhiệm màu. Núi là biểu tượng của quyền uy, sức sống và cái đẹp. Núi là không gian của niềm tin, của huyền thoại, là một phần vũ trụ bí ẩn. Tạo hoá sinh ra núi nhưng không đặt tên, núi có tên bởi do con người nhìn núi mà gọi. Thế giới tinh thần của các sắc dân trên miền thượng du này lệ thuộc một phần vào núi, bởi không gian sinh tồn của con người gắn bó mật thiết với nơi chốn trú ngụ của thánh thần. Cư dân bản địa hành xử theo tiếng vọng của núi. Những chênh vênh hay bền vững. Những bi tráng hay phiêu bồng. Những yêu thương, ẩn ức, căm ghét hay hận thù. Hãy lắng nghe những lời kể

Đánh giá

Cách tác giả miêu tả những ngọn núi ở Tây Nguyên.

sử thi, những câu chuyện cổ, những áng ca dao, những vần luật tục. Hãy đắm mình vào trang sử ngàn năm cao nguyên. Hãy cùng quý trên đất đai xứ này trong lễ cúng thần núi và lắng theo thông điệp khẩn cầu. Rồi sẽ thấy, ở xứ này hồn núi hoà vào huyết quản của cư dân núi. Những đỉnh núi mang vinh quang và bi kịch thánh thần. Những ngọn núi tạo nên tín ngưỡng và chuyện tình lãng mạn. Rồi sẽ thấy, những dãy núi không chỉ tồn tại như những chỉ dấu địa lí, núi non là một phần hồn cốt thiêng liêng của đất nước này...

3. Tôi có những người bạn xứ núi, những người con ruột rà của đại ngàn. Nếu núp rốn của tôi ngày xưa bà nội giấu nơi góc ruộng lúa sau nhà thì núp rốn của những người bạn miền thượng của tôi lại được hoà trong đất đai rẫy bắp nơi chân núi. Bỗng một ngày những người bạn của tôi giã biệt cái nhà sàn khét mùi khói bếp, bỏ rẫy rừng hoang phế, quên bài chiêng cổ, bạn ngồi uống bia trong toà biệt thự, bạn lái xe sang hạ sơn xuống phố. Đó là một thực tế khó cưỡng. Nhưng từ trong sâu thẳm, tôi vẫn cảm nhận cái tâm trạng nhớ núi ngay giữa vùng núi non đang từng ngày bị “hiến sinh” cho những dự án bất động sản trong ánh mắt bạn. Như hôm kia, tôi cùng một người đàn ông xứ núi sinh ra ở triền phía bắc dãy Lang Biang, đứng bên bờ rào nhà anh ngắm khu đô thị mới hình thành với những con đường bê-tông đang trườn lên, liếm dần cái dãy núi từng sinh ra câu chuyện tình lãng mạn từ ngàn năm trước mà nói với nhau những điều về nỗi niềm núi và cả về những nguồn lợi từ việc ai đó đang san núi, cấm mốc phân lô,...

Nhìn ánh mắt của bạn mà tôi lại nhớ *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ* cách nay gần hai trăm năm. Chuyện là, năm 1854, Tổng thống thứ 14 Hoa Kỳ Phơ-ranh-lin Pi-e (Franklin Pierce) muốn người da đỏ ở miền Tây nhượng bớt đất cho người da trắng. Thủ trưởng Xi-át-tơn của bộ lạc Đu-oa-mốt (Duwamish) và Xơ-quá-mốt (Supuamish) đã trả lời với người đại diện của Tổng thống. *Bức thư* này được coi là văn kiện hay nhất xưa nay về mối quan hệ thiêng liêng của các tộc người thiểu số đối với đất đai quê hương ngàn đời của họ. Người con của núi non nước Mỹ nói lời gan ruột: “Khi người da trắng chết đi, họ thường dạo chơi giữa các vì sao và quên đi đất nước họ sinh ra. Còn chúng tôi, chúng tôi chẳng thể quên được mảnh đất tươi đẹp này. Bởi lẽ mảnh đất này là bà mẹ của người da đỏ. Chúng tôi là một phần của mẹ và mẹ cũng là một phần của chúng tôi. Những bông hoa ngát hương là người chị, người em của chúng tôi. Những đỉnh núi, mỏm đá, những vũng nước trên đồng cỏ, hơi ấm của chú ngựa con và của con người, tất cả đều chung một gia đình”...

Suy luận

Dụng ý của tác giả.

Cuối tháng Ba vừa rồi, trên hành trình từ vùng Lâm Đồng qua Đắk Lắk, tôi đã dừng lại dưới chân dãy Chư Yăng Sin mà ngắm núi lặng lẽ. Núi cao vẫn đó mà hồn núi nơi đâu? Tôi tìm kiếm hình ảnh thiêng liêng của Yàng P’nâm trên những địa tầng mỗi ngày mỗi bị cạo trọc lên tận chóp đỉnh, tìm kiếm Yàng trên những dòng suối khô cạn và đám rừng khớp xác xơ. Không chỉ Chư Yăng Sin, khắp mọi miền thượng du nước mình đều đang có những cuộc bạt núi, hạ rừng. Những làn sóng tàn phá được mệnh danh khai thác cho phát triển cứ đẩy lùi dần những ngọn núi đến với cao quanh, cô liêu. Đỉnh núi như ngày càng xa hơn. Chân núi thưa vắng

sự sống của tự nhiên. Kí ức về một không gian núi cứ chập chờn ẩn hiện. Không lẽ rồi một ngày sẽ bay biến tất cả?! Cái điều mà Ăng-ghe-n (Ph. Angel) từng cảnh báo hồi thế kỉ XIX: “Không nên quá tự hào về những thắng lợi của chúng ta đối với tự nhiên. Bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là một lần giới tự nhiên lại trả thù chúng ta” quả thật vẫn mới. Khi Thượng đế trao cho con người quyền cai trị muôn loài nơi hạ giới, ngài cũng đồng thời căn dặn loài động vật bậc cao này biết độ lượng, yêu thương thiên nhiên. Nhưng bởi lòng tham, bởi sự ảo tưởng về tính kiêu hãnh, chính con người đã tận diệt chính không gian sống của mình mà quên rằng đó là việc làm hủy hoại giống loài. Một mai núi không còn rừng, không còn là nơi khơi mạch nguồn nước mẹ thì không chỉ con người mà e rằng những mùa sương, tháng gió cũng sẽ vô cùng hoang hoải, bơ vơ.

Lại thêm một lần xin cúi đầu trước núi, cái cúi đầu chung của loài người có tội! Và rồi, tôi đành phải bám vào một điều gì đó mà bản thân cũng không dám hằng tin, rằng có những điều bất biến, ít nhất là chính trong hồn cốt của nó. Vẫn biết rằng, núi rồi sẽ cạn kiệt, tàn tạ, khô cằn nếu con người vô cảm, vô tình với núi, nhưng tôi cứ mong “điều đó trôi đi, nhưng nó không trôi qua”. Đó là một câu của La-dô Kra-nơ-hô-kai (László Krasznahorkai), nhà văn Hung-ga-ri (Hunggary), xin tạm mượn để thay cho lời niệm cầu: Linh hồn của những ngọn núi sẽ mãi mãi hoài sinh và kể những câu chuyện thiêng liêng bất tận giữa sơn nguyên bao la!...

Suy luận

Cách kết thúc văn bản của tác giả.

(In trong *Gió thổi từ miền kí ức*, NXB Hội Nhà văn, 2020)



Tác giả Uông Thái Biểu, bút danh Tường Minh, Thiếu Lăng, sinh năm 1966, quê ở xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Anh tốt nghiệp Đại học Vinh, ngành Sư phạm Ngữ văn, sau đó vào Lâm Đồng làm việc trong lĩnh vực báo chí, gắn bó với mảnh đất Lâm Đồng và vùng Tây Nguyên cho đến nay.

Uông Thái Biểu sáng tác thơ văn từ lúc còn là học sinh, sinh viên và dần hình thành chất riêng cả trong báo chí và văn chương. Uông Thái biểu rất tài tình trong quan sát và nắm bắt hiện thực, văn phong giàu chất suy tư, chiêm nghiệm, câu chữ chọn lọc, tinh tế, gợi liên tưởng sâu sắc,...

Trong quá trình hoạt động báo chí và văn học, tác giả Uông Thái Biểu đã đạt nhiều giải thưởng của địa phương và quốc gia. Một số tuyển tập cá nhân đã xuất bản: *Gió đồng* (tập thơ, 2001), *Mùa lũ hành* (tập bút kí, 2007), *Nhớ núi* (tập thơ, 2014), *Gió thổi từ miền kí ức* (tập bút kí, 2020).

Hướng dẫn đọc hiểu

1. Em hãy xác định bố cục và nêu nội dung từng phần của văn bản *Cúi đầu trước núi*.
2. Quá trình cảm nhận về núi của tác giả như thế nào? Qua mỗi giai đoạn, tác giả miêu tả ý nghĩa của núi đối với con người ra sao?
3. Trong văn bản, tác giả đã liên hệ đến những tên núi, tên người ở vùng đất nào? Theo em, việc liên hệ ấy có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung văn bản?
4. Em có nhận xét gì về giọng điệu của tác giả trong từng phần và trong cả văn bản?
5. Theo em, trong văn bản *Cúi đầu trước núi*, tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Phân tích một ví dụ mà em ấn tượng.
6. Trong văn bản, những suy tưởng của tác giả khi đối diện với núi được thể hiện như thế nào? Tác giả bày tỏ sự lo lắng, trăn trở về những vấn đề gì trong thời hiện đại?
7. Trình bày những suy nghĩ của em về dấu ấn cá nhân của người viết thể hiện trong văn bản. Tại sao tác giả lại “cúi đầu trước núi”?
8. Từ việc đọc văn bản *Cúi đầu trước núi*, em có suy nghĩ như thế nào về mối quan hệ giữa con người với núi nói riêng và với giới tự nhiên nói chung?



LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG



LUYỆN TẬP

1. Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về một trong hai nội dung sau:
 - a. Chi tiết “tiếng hát” trong bài thơ *Buổi chiều, sương bay trên Đà Lạt* (Bằng Việt).
 - b. Ý nghĩa của núi đối với con người, văn hoá và sự phát triển của vùng đất Lâm Đồng, Tây Nguyên trong văn bản *Cúi đầu trước núi* (Uông Thái Biểu).
2. Hai văn bản *Buổi chiều, sương bay trên Đà Lạt* (Bằng Việt), *Cúi đầu trước núi* (Uông Thái Biểu) đều viết về tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ của con người với đất và người Lâm Đồng. Em hãy chỉ ra nét chung và nét riêng trong cảm nhận và miêu tả của mỗi tác giả.
3. Từ việc tìm hiểu các tác phẩm văn học và tình yêu với quê hương, em hãy viết một văn bản nghị luận về một trong các chủ đề sau:
 - a. Vai trò của tuổi trẻ đối với việc giữ gìn và phát huy những nét đẹp văn hoá của quê hương.
 - b. Vai trò của tuổi trẻ đối với việc sự phát triển của quê hương, đất nước.



VẬN DỤNG

1. Sưu tầm và tìm hiểu thêm những tác phẩm văn học Lâm Đồng từ 1975 đến nay.

TT	Tác phẩm	Tác giả	Nội dung chính	Nguồn sưu tầm	Ghi chú

2. Em hãy xác định những tiềm năng và nêu một số ý tưởng để văn học Lâm Đồng phát triển, đạt được nhiều thành tựu hơn trong tương lai.

3. Từ các nội dung đã học, tham khảo phần Đọc mở rộng và sự tìm hiểu của cá nhân, em hãy viết một bài nghiên cứu nhỏ về văn học viết Lâm Đồng. Có thể tham khảo các nội dung sau:

- Phân tích một đặc điểm của văn học viết Lâm Đồng.
- Hình tượng con người trong văn học viết Lâm Đồng từ 1975 đến nay.
- Sự mở rộng đề tài trong văn học viết Lâm Đồng từ 1975 đến nay.
- ...

ĐỌC MỞ RỘNG

CHỐN BÌNH YÊN

– Chu Bá Nam –

Kinh tế suy thoái, dân Âu – Mỹ kì này tính đi chân đất chác. Năm ngoái còn xuất được mười công-ten-nơ, mấy chục ngàn đôi giày, năm nay thì chịu, đại hạ giá vẫn ế. Nợ ngân hàng, lo sa thải công nhân, bị thanh lí hợp đồng, cắt việc làm có đũa đứng giữa sân oà khóc. Cháu ơi, hàng tồn chất đống, chẳng nhẽ chú tiếp tục vay ngân hàng nuôi các cháu. Đành sẩy đàn tan ghé, cứ níu bám vào nhau thế này thì chết đói cả nút. Lại còn bà vợ tham lam kia nữa, vay người nợ cho người kia để lấy lãi cao hơn, bị xù, thế là chết cả dây, huê với chả hụi, bao nhiêu bận không chừa. Chủ nợ có đũa quỳ xướng chân van xin, chị làm ơn làm phúc trả lại gốc cho em. Đứa hung hãn xách dao đến, sợ chết ngắt, tỉnh dậy dờ điên dờ dại: Nó giết tôi! Nó giết tôi!

Hôm nay xin cho vợ được vào tù trốn nợ, mừng ơi là mừng, giờ còn việc mua cho mẹ mười kí trà nữa. Nhất định không được quên, bà dặn đi dặn lại. Hỏi thì nổi nóng: Tôi bảo anh mua anh cứ mua. Tay cầm vô lăng tay ôm bụng, cơn đau dạ dày lại quặn lên hành hạ. Ông trời, ông có định để con sống nữa không đây?

Xe lẫn bánh quanh bờ hồ. B’Lao thay đổi nhiều quá. Khi xưa chỗ này là bãi cỏ hoang lúp xúp cây bụi, hiệu trà Quốc Thái chưa xây, người ta quen nhắc cái tên Đỗ Hữu từ trước bấy lâu. Xe về Sài Gòn ghé qua căn nhà khiêm tốn cạnh đường mua năm ba kí làm quà. Giờ xuất hiện nhiều danh trà mới: Tâm Châu, Quốc Thái, Bảo Tín, Thiên Hương,... lớp con cháu tuổi trẻ tài cao làm ăn ghê thật.

Cái thời bế quan toả cảng, bắt bớ giấu giếm từng kí trà qua rồi, mẹ kể lại nghe cứ như chuyện cổ tích. Từ B' Lao về Sài Gòn không biết bao nhiêu cái barie: Madagui, Phương Lâm, Định Quán, Dầu Giấy,... Đến đâu xe cũng phải ách lại, hành khách xuống hết để quản lí thị trường lục soát từng gói hành lí, trót lọt về đến Sài Gòn có khi còn bị lột sạch, mất trắng. Một lần, ông khách ngồi cạnh bà xách hộ gói trà, thế là thoát, quen nhau lấy chỗ gửi hàng và rồi nên vợ nên chồng. Anh về B' Lao là về quê ngoại. Những năm trước, hai mẹ con thường dắt díu nhau về thăm ông bà. Nay ông bà qua đời, nhà cửa vườn tược bán đi, mẹ ngày một già, anh tối mắt tối mũi vào sản xuất giày xuất khẩu, không lúc nào ngẩng đầu lên được.

Chỗ khách sạn Anh Đào mười tầng kia trước là bến xe ô tô, đã làm gì có nhà văn hoá, cả cái tháp vi ba của bưu điện cũng không. Lúc đó bưu điện còn ở đầu Cầu Trắng, nép bên cạnh cửa hàng ăn uống mậu dịch quốc doanh ngay ngã ba. Chỉ có Cầu Trắng cùng với những quán tạp hoá ở chợ kéo căng miếng vải cũ kĩ che nắng xiên khoai là vẫn như xưa. Mặt hồ sầm dần, chiều phổ núi bình yên trong dáng vẻ uể oải ngàn đời. Anh ngồi bên ông lão hàng xóm cũ tình cờ bắt gặp đang câu cá. Thành phố lên đèn, một bầu trời sao rực rỡ dưới đáy hồ. Chúng mình về thôi, lão đứng lên dắt tay anh.

Từ lúc ngồi xuống mép nước, ngắm mặt hồ và theo dõi cái phao câu, cơn đau dạ dày tự dưng biến mất. Giờ đây trong căn nhà nhỏ của ông lão độc thân, ngọn lửa nhen hơi ấm toả ra thật dễ chịu. Ngả lưng xuống võng ngửa mặt nhìn vầng trăng chênh chếch khung cửa sổ như bắt gặp tuổi thơ mình, con tim nhói nhẹ và kí ức cất cánh. Có tiếng lách tách đều đều phát ra từ bếp lửa và mùi hăng hăng quen thuộc gợi nhớ những chiều theo bọn trẻ chăn trâu gom cành trà đốt lên sưởi ấm giữa triền đồi B' Lao sương giăng. “Một lần chợt nghe quê quán tôi xưa... Lòng thật bình yên mà sao buồn thế!”. Ca khúc Trịnh Công Sơn viết ngay trên mảnh đất này khi ông đang dạy học. Vẫn tiếng tí tách, ánh lửa bập bùng và mùi hăng hăng của cành trà cháy bốc lên. Hình như đoán được tâm trạng khách, ông lão không nói gì, lặng lẽ pha trà.

Thì ra, hoà trong khói củi trà còn mùi khoai lang cháy. Lão mời ăn một củ khoai trước khi uống trà, bảo là thuốc trị bao tử, chẳng hiểu đùa hay thật. Cháu có biết vì sao mình đau bao tử không? Có những khúc mắc không giải quyết được. Ở đây có người áo hạn nợ ngân hàng, nửa đêm xuất huyết bao tử phải cấp cứu đi bệnh viện.

– Nhưng nếu nợ đã được chuyển thành nợ khó đòi?

– Khó đòi vẫn là nợ. Có nợ phải trả nợ. Nợ trả xong bệnh sẽ hết. Bao tử cũng từ đấy, thần kinh cũng từ đấy, thậm chí cả ung thư nữa cũng từ đấy. Bách bệnh tại tâm. Bệnh nhân là mình, bác sĩ cũng chính là mình. Nghĩ kĩ đi, nghiệm xem tôi nói có đúng không.

Cái ông già này tài thật, bác sĩ không, lương y không mà phán những câu như thần bảo. Ngồi trên cái xe năm tí, được gọi là đại gia kể cũng thích, ai ngờ đang khốn nạn đây, ngồi trên đồng lửa, đồng nợ năm bảy chục tỉ. Ông già nhặt mấy cành trà khô đun nấu, không thềm biết giá gas lên xuống, kéo nước giếng pha trà, ngủ không quạt máy, không điều hoà, ăn rau củ trái cây sạch,... Cuộc sống chậm mà thú vị. Sao ta cần nhiều tiền thế, phải chăng là sự kém cỏi? Ông ấy nói đúng, mai về bán tất nhà cửa xe cộ đi, trả nợ xong đưa vợ lên đây sống với vườn tược một thời gian. Cuộc mưu sinh đầy áp lực khiến tâm ta rối bời. Cốc nước đang vẫn đục, để yên cho lắng đã. Bình tĩnh, cái gì đáng làm thì làm, cái gì không đáng gặt nó đi cho nhẹ gánh.

Lão đã sống một đời để nói với ta một câu, đại gì không nghe theo. Kết quả là không có xe, cũng chẳng còn nhà, thế mà lại thanh thản, bệnh tình bay biến, của đi thay người. Còn bà cụ, ông ta nói, nếu trời gọi đi thì có gì nấn ná. Sống vui vẻ, chết bằng lòng, một đời vì chồng vì con đủ rồi, chẳng gì phải ân hận, vui mà lên đường. Sinh ra trên nương trà, mình chăm sóc trà, trà nuôi mình, người B' Lao khi mất bao giờ cũng trải một lớp trà dưới áo quan rồi mới đặt thi thể lên. Sống với trà, chết tẩm liệm bằng trà, lá trà khô êm, hương trà ấm áp linh hồn.

– Ông cụ sinh ra bà ấy ngày xưa từ tỉnh Thanh vào làm đồn điền trà cho ông Mu-lơ (Moule) người Pháp. Trưa đến cụ nấu một nồi trà xanh, đứng dưới bóng cây cất tiếng gọi: “Nghỉ tay vào uống “nác” mọi người ơi, chè đương ngon”. Giữa trưa hè, dưới bóng cây râm mát, nâng bát chè xanh thơm phức đón gió cao nguyên trong lành thì còn gì bằng.

Dân gian truyền miệng “thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề”. Thế còn cây trà? Chẳng lẽ nó không là gì sao? Kì này cả phê đang lên ngôi, nó là cây làm giàu, nhưng coi chừng đấy, “được mùa chớ phụ ngô khoai”, tháng Năm ngày Tám giáp hạt mới thấy ai nuôi mình. Cả phê cho ta ngân phiếu, trà cho ta tiền tươi, những đồng tiền chợ đến đúng lúc. Đây là nói ngày xưa, làm ăn mạnh mún, giờ trà cũng cho cả ngân phiếu rồi.

Sách dạy nhiều điều hay, nhưng những điều thấm thía nhất, hữu ích nhất có khi lại không phải từ sách. Chân lí là ngộ mà ra. Hay thật, mình trồng cây trà, trà nuôi ta sống, lại nâng niu ta về nơi an nghỉ cuối cùng. Anh có biết trà khác cả phê thế nào không? Không hả? Cả phê nặng về hướng ngoại, làm ta khôn ra, nhìn xa trông rộng. Còn trà thiên về hướng nội, khiến ta thanh sạch, sáng ra và sâu sắc thêm. Chí lí quá! Sáng ra thì tâm hồn như cốc nước trong, rõ mình, rõ người. Cây trà không có thần, cũng chẳng có ma, nó là ân nhân của con người. Dù công việc rối bời, vội vã đến đâu, nâng tách trà nóng trên tay bỗng dưng lòng dịu nhẹ, hương thơm thanh khiết đánh thức khứu giác, làm ta bừng tỉnh ngẫm nghĩ sự đời, xem người ta sống, nghiệm ra giá trị của phút giây an lạc. Việc khó đến mấy rồi cũng sẽ qua và đời sống tự nó thu xếp, tiếp diễn như mặt trăng mặt trời, ngày đêm đắp đổi trên mảnh đất B' Lao hiền hoà này.

Ồ, lạ chưa, cái nắng mặt ong vọt tắt, sương đất bằng lảng dăng đầy, người bỗng bình trong gió trong mây, hơi sương lành lạnh mơn man đánh thức làn da, gọi bao nhớ nhung kỉ niệm.

Cứ theo lời ông lão thì chính mẹ anh đã được tượng hình ngay trên đồi trà Bồng Lai này, và vì thế bà mang tên Trà My, thực ra trà mi cũng là trà thôi. Những cuộc đời của công nhân đồn điền trà xa xứ luôn được tán trà che chở, bao dung. Bà ngoại anh là cô gái Huế có bàn tay vàng, khi bút đột trà một tôm hai lá không nhìn thấy những đầu ngón tay, giống như trình diễn màn ảo thuật. Hai nắm tay đầy trà ném qua vai vào chiếc gùi sau lưng không ra ngoài một giọt. Ngày trung bình người ta hái năm mươi kí, bà gặt tạ. B' Lao ngày ấy lạnh chứ không như bây giờ. Sáng mù sương trời tối om, cả đồn điền đánh chiêng, khua vang mâm nồi bằng đồng đuổi cọp mới dám lên nương. Chiều xuống, núi lấp hoàng hôn, sương buông dày đặc, ông bà ngoại ngồi trên chiếc áo tơi tựa lưng vào nhau cho đỡ lạnh thì con hổ xuất hiện. Bà xoay người ôm chặt lấy ông. Chẳng hiểu sao hổ quay đi mà họ vẫn không buông nhau ra. Sương đọng trên lá trà lấp lánh dưới

ánh trắng như muôn vàn con mắt nhấp nháy cười tinh quái. Ngập trong không trung là bản hợp xướng của ếch nhái, côn trùng,...

Ông Mu-lơ vẫn dùng ống nhòm quan sát đồn điền từ cửa sổ biệt thự gỗ màu xanh (theo Trần Quang Ngân), mỉm cười khi phát hiện ra cặp trai gái này và đứng ra tác thành cho họ.

Nghe chuyện ông lão kể, anh hiểu thêm bí mật gia tộc, nguồn gốc của mình và nụ cười hồn nhiên nở trên môi xua đuổi bao nỗi lo toan đè nặng bấy lâu. Anh chợt nhớ những người thất nghiệp ở Tây Ban Nha, Ý, Hy Lạp,... có thể xỏ giày cũ, giày rách nhưng vẫn không bỏ thói quen đến quán trà than vãn, kiếm việc làm. Hay ta xuất khẩu trà? Các đối tác mua giày đã chẳng gọi ý khi họ nhận được gói trà B'Lao của anh biếu vào dịp Tết!

(Nguồn: *Báo Lâm Đồng*,

<https://baolamdong.vn/vhnt/201212/chon-binh-yen-truyen-ngan-2441682/>)

Hướng dẫn tìm hiểu

1. Tóm tắt nội dung văn bản.
2. Người kể chuyện là những ai? Tác giả thay đổi luân phiên người kể chuyện nhằm dụng ý gì?
3. Hình ảnh thiên nhiên và con người Lâm Đồng trong quá khứ và hiện tại được cảm nhận như thế nào qua cái nhìn của nhân vật?